

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Chánh Đạt, thị trấn Cát Tiến

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

*Xét Văn bản số 2335/STNMT-CCBVMT ngày 30/08/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Chánh Đạ*t, thị trấn Cát Tiến;

*Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Chánh Đạ*t, thị trấn Cát Tiến đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 201/CV-UBND ngày 09/11/2022 của UBND thị trấn Cát Tiến;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1041/TTr-STNMT ngày 02/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Chánh Đạt, thị trấn Cát Tiến (sau đây gọi là Dự án) của UBND thị trấn Cát Tiến (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại khu phố Chánh Đạt, thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị trấn Cát Tiến;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ CHÁNH ĐẠT,
THỊ TRẤN CÁT TIẾN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Chánh Đạt, thị trấn Cát Tiến.
- Địa điểm thực hiện: khu phố Chánh Đạt, thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: UBND thị trấn Cát Tiến.

1.2. Phạm vi, quy mô.

- Tổng diện tích: 49.091,84 m².
- Quy mô: 154 lô đất (153 lô đất ở liên kế, 01 lô tái định cư), dân số khoảng 652 người.

1.3. Các hạng mục công trình chính: san nền, hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp điện, nước; hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải; cây xanh; tuyến kè dọc sông Cây Bông.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 41.798,32 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động san nền: phát sinh bụi và khí thải từ các thiết bị thi công; có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước mặt khu vực dự án.

- Hoạt động thi công xây dựng: phát sinh nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; bụi và khí thải từ các thiết bị thi công; nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,44 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các

hợp chất hữu cơ (BOD_5) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng $5 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt của các hộ dân phát sinh với lưu lượng khoảng $47 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x , NO_x , SO_2 , H_2S , VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 100 kg . Thành phần chủ yếu là thực bì,...

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng trung bình khoảng 196 kg/ngày . Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông,...

- Chất thải rắn phát sinh từ việc phá dỡ các công trình trên đất là 525 m^3 .

- Đất bóc hữu cơ phát sinh với khối lượng khoảng $1.755,3 \text{ m}^3$. Thành phần chủ yếu là bùn, đất.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 32 kg/ngày . Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng $521,6 \text{ kg/ngày}$.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công xây dựng phát sinh với khối lượng khoảng 36 kg trong suốt quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là que hàn thải, bóng đèn huỳnh quang thải, các loại vật dụng nhiễm dầu thải (giẻ lau, bao tay, bao bì, ...).

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các

máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 01 nhà vệ sinh di động có dung tích 500 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải xây dựng: được thu gom, lắng cặn và tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: trong quá trình thiết kế xây dựng, Chủ dự án thiết kế hệ thống thu gom, thoát nước mưa tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải, cụ thể:

+ Bố trí tuyến ống bê tông ly tâm đường kính D600mm, D800mm, D1000mm và D1200mm dọc các tuyến đường nội bộ để thu gom nước mưa, sau đó thoát ra sông Cây Bông bằng 3 cửa xả phía Nam dự án.

+ Bố trí 02 cửa thu nước và tuyến cống D400mm phía Tây dự án để hoàn trả mương tiêu hiện trạng. Tuyến cống này được đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa dọc tuyến đường BN1 thoát ra sông Cây Bông bằng cửa xả số 1.

+ Bố trí tuyến cống D800mm, D1000mm kết nối với 02 cống hiện trạng qua Quốc lộ 19 để tiêu thoát nước khu dân cư hiện trạng phía Bắc dự án. Tuyến cống này được đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của dự án thoát ra sông Cây Bông bằng cửa xả số 1 và số 3.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Giai đoạn đầu (Trước năm 2025): nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ

qua bể tự hoại 3 ngăn tại các hộ gia đình, sau đó theo tuyến ống HDPE D225 và D315 dọc theo các tuyến đường giao thông nội bộ về bể tự hoại 5 ngăn để xử lý trước khi thải vào sông Cây Bông (bằng đường ống HDPE D312mm dài khoảng 10 m).

+ Giai đoạn sau năm 2025 (Trường hợp Khu xử lý nước thải tập trung của đô thị Cát Tiến chưa được đầu tư xây dựng): đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất 50 m³/ngày.đêm để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Sơ đồ công nghệ:

Nước thải sinh hoạt (sau xử lý sơ bộ) → Hồ gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (sông Cây Bông).

+ Về lâu dài khi Khu xử lý nước thải tập trung của đô thị Cát Tiến được đầu tư xây dựng: các công trình bảo vệ môi trường được chuyển đổi công năng thành trạm bơm để đầu nối toàn bộ nước thải sinh hoạt về Khu xử lý nước thải tập trung của đô thị Cát Tiến theo quy hoạch để xử lý.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín, không để rơi vãi.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.

- Phun nước tưới đường thường xuyên trên công trường xây dựng, đặc biệt vào mùa khô, những ngày nắng nóng có thể tiến hành phun nước với tần suất 2 giờ/lần.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Đất bóc hữu cơ được vận chuyển san lấp tại các khu vực quy hoạch trồng cây xanh.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 58, 66 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày

10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

Bố trí 01 khu vực tập kết các dụng cụ thu gom CTR như xe đẩy rác,... có diện tích 10 m² tại gần khu vực cây xanh.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 68, 69, 71 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 /01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Bố trí thời gian đổ bê tông trong khoảng thời gian thi công 7h – 11h30 và từ 13h30 -17h00, để không ảnh hưởng đến giờ nghỉ ngơi người dân.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng các nội quy về an toàn lao động khi lập tiến độ thi công; trang

bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục san nền, tuyến kè trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để gây ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát:

+ Khu vực phía Tây dự án tiếp giáp đường QL19B (cũ) và khu dân cư hiện trạng (Tọa độ: 1544041; 602068).

+ Khu vực đường bê tông gần khu dân cư hiện trạng trong ranh dự án (Tọa độ: 1543837; 602178).

+ Khu vực phía Nam dự án giáp cầu Bến Cát (Tọa độ: 1543740; 602755).

- Chỉ tiêu giám sát: Hàm lượng bụi, tiếng ồn.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.

5.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

Giám sát việc thu gom chất thải rắn và chất thải rắn nguy hại: Khối lượng phát sinh, thành phần phát sinh, quá trình thu gom và lưu giữ.